TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01-4-2024
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, về tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ C, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, bảng tự khai các đương sự thống nhất trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm và được sự đồng ý của cha mẹ tôi với anh Trần Văn T thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới tháng 03/2023âl nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chúng tôi chung sống có hạnh phúc đến ngày 29/07/2023 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cải nhau và bất đồng quan điểm sống, từ đó tôi quyết định không còn chung sống với anh T cho đến nay.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P huyện P, tỉnh An Giang. Nên chị M khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bên có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: cả hai do tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra.

Chị M cho rằng, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, tình tình không phù hợp nhau, vợ chồng đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng không được nên mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn được và giữa hai bên không có biện pháp hàn gắn, cho thấy tình cảm giữa vợ, chồng đã trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó để cho anh, chị có cuộc sống riêng, nên HĐXX không công nhận giữa anh chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ phải thu: Quá trình làm việc, anh chị thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về nợ phải trả: Các đương sự khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: chị Phạm Thị Tuyết M là người xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Tuyết M và anh Trần Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung và nợ: Không yêu cầu.

Án phí: chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006688 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Lê Lâm Bảo Ngọc